TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **288**/2021/DS-ST
Ngày: 30-12-2021
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Cẩm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nguyên

2. Ông Trần Hữu Ngôn

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Minh Tuyền **–** *Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.*

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền **–** Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2021, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 538/2020/TLST-DS ngày 19/11/2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 270/2021/QĐXXST-DS ngày 10/11/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 236/2021/QĐST-DS ngày 08/12/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Trần Thanh H,** sinh năm: 1976 **– Chủ hộ kinh doanh Trần Thanh H;** Địa chỉ: B1/28 ấp A, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền là ông **Ngô Thanh S**, sinh năm: 1989; Địa chỉ: Số 181/1 T, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy ủy quyền có số công chứng 004839 Quyển số 04.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 05/11/2020 tại Văn phòng công chứng Phạm Thùy Thiên Hương) (Ông S có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông **Phan Văn P**, sinh năm: 1969; Địa chỉ: A5/20 ấp A, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Ông P vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 02/11/2020; đơn xin thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 08/12/2021; các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Thanh H – Chủ hộ kinh doanh Trần Thanh H có người đại diện theo ủy quyền là ông Ngô Thanh S trình bày:

Nguyên vào ngày 08/01/2020 ông Trần Thanh H có ký hợp đồng cầm cố tài sản với ông Phan Văn P để bảo đảm khoản vay 140.000.000 đồng mà ông P vay của ông

H. Theo đó, đối tượng cầm cố là chiếc xe ôtô nhãn hiệu Huyndai màu trắng, biển kiểm soát 51G-846xx do bà Phan Ngọc T đứng tên (Ông P cam kết bà Trinh là người đứng tên sở hữu dùm ông). Mức lãi suất cho vay là 4%/tháng, thời hạn hợp đồng vay là từ ngày 08/01/2020 đến ngày 08/5/2020. Sau đó, ông P xin hạ lãi xuống còn 2,5%/tháng.

Sau khi ký hợp đồng cầm cố tài sản nêu trên, ông H đã giao cho ông P đủ 140.000.000 đồng, ông P giao xe cho ông H. Đến ngày 10/01/2020 ông P nói cần thuê lại xe cầm cố nêu trên để lấy phương tiện làm ăn với giá thuê xe là 4.000.000 đồng/tháng. Ông H đồng ý và giữa các bên đã ký với nhau Hợp đồng cho thuê xe, thời hạn thuê là từ ngày 10/01/2020 đến ngày 10/5/2020.

Hết hạn hợp đồng cầm cố ông P không có tiền để trả số tiền nợ gốc 140.000.000 đồng cho ông H, đồng thời ông P cũng không trả tiền lãi cho ông H nên ông P xin cầm cố tiếp. Đến ngày 15/7/2020 ngoài số tiền nợ gốc ông P còn nợ ông H, ông P đã viết Giấy khắc nợ đối với số tiền lãi 18.000.000 đồng và hẹn trả lãi đầy đủ vào ngày 30/7/2020).

Tuy nhiên, đến ngày 30/7/2020 ông P vẫn không trả cho ông H bất kỳ số tiền nào, mặc dù ông H đã nhiều lần yêu cầu ông P trả số nợ gốc và tiền lãi nhưng ông P luôn né tránh không chịu trả.

Nay ông H yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Nguyên đơn ông Trần Thanh H buộc bị đơn ông Phan Văn P trả các khoản như sau:

- Số nợ gốc 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng);

- Tiền lãi trong hạn tính từ ngày 08/01/2020 đến ngày 08/5/2020 (140.000.000 đồng x 1,66%/tháng) x 04 tháng = 9.200.000 đồng (Chín triệu hai trăm nghìn đồng);

- Tiền lãi quá hạn tính từ ngày 09/5/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm, tạm tính đến ngày 30/12/2021 (140.000.000 đồng x 1,66%/tháng) x 150% x 19 tháng 21 ngày = 68.900.000 đồng.

Tổng cộng số tiền yêu cầu ông P trả cho ông H số tiền tạm tính đến ngày 30/12/2021 là 218.100.000 đồng.

Đối với chiếc xe 51G-846.75 và giấy tờ xe này thì ông H đã trả lại cho ông P vào ngày 10/01/2020, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với Hợp đồng cho thuê xe ngày 10/01/2020 giữa ông H và ông P cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Phan Văn P vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án và không có bất kỳ văn bản nào phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án

phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; về án phí: Bị đơn ông Phan Văn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn ông Trần Thanh H – Chủ hộ kinh doanh Trần Thanh H khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn ông Phan Văn P. Đây là tranh chấp hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Theo kết quả trả lời xác minh của Công an xã V, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận*"Ông Phan Văn P, SN 1969 có hộ khẩu thường trú tại A5/20 tổ 15 ấp A, xã V, Bình Chánh. Hiện còn cư trú tại địa phương"*. Đây cũng là địa chỉ mà bị đơn cung cấp cho nguyên đơn được ghi trên hợp đồng. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự:

- Đối với nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có ông Ngô Thanh S có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông S theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với bị đơn, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự cho ông Phan Văn P nhưng ông P vẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án nên Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông P theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về áp dụng pháp luật: Do giao dịch giữa các đương sự xác lập vào thời điểm Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực nên Tòa án áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[5] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy như sau: Nguyên đơn ông Trần Thanh H – Chủ hộ kinh doanh Trần Thanh H yêu cầu bị đơn ông Phan Văn P trả số nợ gốc là 140.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 08/01/2020 tạm tính đến ngày 30/12/2021 là 218.100.000 đồng.

[6] Còn bị đơn ông Phan Văn P, mặc dù đã được Tòa án triệu tập đến để ghi nhận ý kiến, tiến hành thủ tục giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như việc tham gia phiên tòa xét xử giải quyết vụ án với nguyên đơn nhưng ông P vẫn vắng mặt. Vì vậy, ông P đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: "*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận*

của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh". Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện cũng như tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp; tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập để làm cơ sở xem xét giải quyết vụ án.

[7] Qua xem xét Hợp đồng cầm đồ ngày 08/01/2020 mà các bên đã lập, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về pháp lý, theo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 41T8028106, đăng ký lần đầu ngày 11/11/2019 có cơ sở xác định hộ kinh doanh Trần Thanh H được thực hiện dịch vụ cầm đồ.

Về hình thức của hợp đồng mà các bên đã lập là phù hợp theo quy định tại Điều 309 và Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về nợ gốc, căn cứ theo Hợp đồng cầm đồ ngày 08/01/2020 có cơ sở xác định nguyên đơn đã giao số tiền 140.000.000 đồng cho bị đơn.

Về lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng là 4%/tháng (48%/năm), sau đó hạ xuống còn 2,5%/tháng (30%/năm) thì có cơ sở xác định lãi suất các bên thỏa thuận vượt quá giới hạn (20%/năm) theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án phía nguyên đơn chỉ yêu cầu lãi suất trong hạn là 1,66%/tháng (19,92%/năm) là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về tài sản thế chấp, căn cứ theo Hợp đồng cho thuê xe ngày 10/01/2020 có cơ sở xác định chiếc xe 51G-846.75 và giấy tờ xe đã được ông H giao lại cho ông P, do đó nguyên đơn không yêu cầu giải quyết vấn đề này trong vụ án là phù hợp. Mặt khác, Tòa án không đưa bà Phan Ngọc T – con gái ông Phan Văn P tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[8] Do đó, từ những căn cứ đã viện dẫn, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Thanh H – Chủ hộ kinh doanh Trần Thanh H đối với bị đơn ông Phan Văn P, buộc bị đơn ông Phan Văn P có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn ông Trần Thanh H – Chủ hộ kinh doanh Trần Thanh H số nợ gốc là 140.000.000 đồng, lãi trong hạn tính từ ngày 08/01/2020 đến ngày 08/5/2020 là 9.200.000 đồng và lãi quá hạn tính từ ngày 09/5/2020 tạm tính đến ngày 30/12/2021 là 68.900.000 đồng, tổng cộng số tiền ông P phải thanh toán tính đến ngày 30/12/2021 là 218.100.000 đồng.

[10] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn ông Phan Văn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.905.000 đồng; nguyên đơn ông Trần Thanh H – Chủ hộ kinh doanh Trần Thanh H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[11] Xét lời đề nghị của đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 309, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Thanh H – Chủ hộ kinh doanh Trần Thanh H đối với bị đơn ông Phan Văn P về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Phan Văn P có trách nhiệm thanh toán cho ông Trần Thanh H – Chủ hộ kinh doanh Trần Thanh H số nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 30/12/2021 là 218.100.000 đồng (Hai trăm mười tám triệu một trăm nghìn đồng).

Các bên đương sự thực hiện việc giao nhận tiền tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ khi ông Trần Thanh H – Chủ hộ kinh doanh Trần Thanh H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Phan Văn P chậm thực hiện trả tiền như trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn ông Phan Văn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.905.000 đồng (Mười triệu chín trăm lẻ năm nghìn đồng).

- Nguyên đơn ông Trần Thanh H – Chủ hộ kinh doanh Trần Thanh H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 4.064.725 đồng (Bốn triệu không trăm sáu mươi bốn nghìn bảy trăm hai mươi lăm đồng) theo Biên lai thu số AA/2019/0080428 ngày 12/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND H. Bình Chánh;
- Chi cục THADS H. Bình Chánh;
- Các đương sự;

- Lưu hồ sơ.

Trần Thị Hồng Cẩm

2AAKKAK*γχγχαι+